

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 13 – 5 - 2022

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 12/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2022/QĐXX-PT ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Duy Đ, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 72, đường L, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Huỳnh Q, Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: Số 12, đường N, khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Vũ Duy Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Vũ Duy Đ trình bày: Ông và Bà Lê Thị L kết hôn năm 1983 được cha mẹ hai bên tổ chức cưới hỏi theo tập quán, không đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung tại tỉnh Nam Định. Năm 1990 do mâu thuẫn gia đình ông rời địa phương vào Cà Mau sinh sống. Năm 1996, bà L cũng vào Cà Mau sống chung với ông.

Trong thời gian chung sống ông phát hiện bà L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng lại mâu thuẫn, từ năm 2020 ông và bà L đã ở riêng.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà L.

Thời gian chung sống ông và bà L có 03 con chung, gồm Vũ Thành D, sinh ngày 15/5/1984, Vũ Lê D, sinh ngày 31/7/1987 và Vũ Thị Kim P, sinh ngày 07/7/1999, anh D, chị P có sức khỏe bình thường, tự lập nên ông không còn nghĩa vụ nuôi. Riêng Vũ Thành D bị khuyết tật, không có khả năng lao động nên ông nhận trách nhiệm nuôi suốt đời, không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Ông Đ xác định vợ chồng có một phần đất tọa lạc tại xã Giao Tiên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, diện tích 1.000m², ông với bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Năm 1995 ông tích lũy tự mua một căn nhà cấp 4 và phần đất tọa lạc tại số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C. Phần đất chưa được cấp quyền sử dụng do là đất ven sông. Theo chứng thư thẩm định giá là 1.497.138.000 đồng, bà L tự định giá 1.000.000.000 đồng. Ông xác định là tài sản riêng nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L, không có ý kiến về giá trị nhà đất do bà L đưa ra.

Vợ chồng không nợ người khác và cũng không ai nợ lại ông, bà.

Bà Lê Thị L trình bày: Bà thống nhất với ông Đ về con chung, nợ chung, thời gian kết hôn. Theo bà L thì bà và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Tiên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Năm 1990 ông Đ vào tỉnh Cà Mau sinh sống, đến năm 1994, bà vào Cà Mau sinh sống cùng với ông Đ. Quá trình chung sống ông Đ gia trưởng, ghen tuông vô cớ, thường xảy ra cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2020 bà không còn sống chung với ông Đ, bà đồng ý ly hôn với ông Đ.

Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Vũ Thành D (bị tai nạn không còn khả năng lao động và hiện đang sống chung với bà). Không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi anh D, yêu cầu ông Đ trả lại bản chính giấy xác nhận khuyết tật của Vũ Thành D để bà lãnh tiền nuôi anh D.

Bà L xác định tài sản chung của ông, bà gồm có:

Một căn nhà cấp 4 và phần đất tọa lạc tại số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trị giá căn nhà và đất khoảng 1.000.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà L yêu cầu chia giá trị tài sản với số tiền 500.000.000 đồng, bà thống nhất với giá trị tài sản đã được định giá không yêu cầu theo giá đã định, giao quyền sở hữu căn nhà và đất trên cho ông Đ quản lý sử dụng.

Một cái ao ở xã Giao Tiên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, diện tích 1.000m² do bà và ông Đ mua năm 1987. Khi ly hôn, bà và ông Đ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:12/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau quyết định:

- Chấp nhận cho ông Vũ Duy Đ ly hôn với Bà Lê Thị L.
- Về con chung: Giao Vũ Thành Duy sinh ngày 15/5/1984 cho bà L nuôi dưỡng, Bà Lê Thị L không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Vũ Duy Đ không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Buộc ông Đ trả lại giấy xác nhận khuyết tật của anh Vũ Thành Duy cho Bà Lê Thị L.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của Bà Lê Thị L.

- Về tài sản chung: Giao toàn bộ căn nhà và đất cho ông Vũ Duy Đ quản lý sử dụng tọa lạc số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Lê Thị L:

Buộc ông Vũ Duy Đ có nghĩa vụ giao 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) phần giá trị tài sản nhà và đất số nhà 72, đường Lý Thường K cho Bà Lê Thị L.

- Tách phần tài sản chung ở xã Giao Tiên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, diện tích 1.000m². Khi nào tranh chấp các bên có quyền yêu cầu bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25/01/2022, ông Vũ Duy Đ kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm đối với các vấn đề sau: ông không đồng ý chia tài sản là nhà, đất tọa lạc tại số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau do đây là tài sản riêng của ông; Không đồng ý giao con là Vũ Thành Duy cho bà L nuôi dưỡng, không đồng ý giao giấy chứng nhận khuyết tật của Duy cho bà L quản lý; Không đồng ý thanh toán chi phí thẩm định đo đạc, định giá bằng 9.801.230 đồng cho bà L.

Tại phiên tòa:

- *Luật sư Đặng Huỳnh Q trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Phần tài sản là nhà và đất tại số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng của ông Đ được mua bằng nguồn tiền ông Đ tự tích lũy khi vào Cà Mau sinh sống nên ông Đ không đồng ý chia. Tuy nhiên, năm 2017 khi ông Đ xây sửa lại nhà thì bà L có đóng góp khoảng 37.000.000 đồng, do đó, ông Đ đồng ý chia cho bà L giá trị nhà bằng 100.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Đ rút kháng cáo về yêu cầu được nuôi con chung Vũ Thành Duy.

Kiến nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm, giao ông Đ được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng nhà đất tại

số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau; ông Đ đồng ý chia cho bà L 100.000.000 đồng; về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá do bà L tự yêu cầu nên bà L tự chịu.

- Ông Đ trình bày: Ông rút kháng cáo đối với yêu cầu nuôi con chung. Ông đồng ý giao con là Vũ Thành Duy cho bà L trực tiếp nuôi và đồng ý giao giấy chứng nhận khuyết tật của Duy cho bà L quản lý. Ông bảo lưu kháng cáo đối với yêu cầu Tòa án công nhận Nhà đất tại số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng do ông tự mua bằng tiền tích lũy khi vào Cà Mau sinh sống, do đó ông không đồng ý chia cho bà L.

- Quan điểm của bà L về căn cứ kháng cáo do ông Đ trình bày: Bà thống nhất phần nhà, đất tại nhà số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau là do ông Đ mua vào năm 1995 nhưng quá trình sử dụng nhà xuống cấp, hư hỏng, việc xây cất lại căn nhà số 72 nêu trên là do bà đóng góp tiền và công sức. Nay bà yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị kiến trúc căn nhà trên cho bà; Không yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất thuộc nhà số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C.

Đối với việc nuôi con chung là Vũ Thành Duy bà thống nhất với yêu cầu rút kháng cáo của ông Đ, đồng ý giữ nguyên tình trạng nuôi con như án sơ thẩm giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của ông Đ về yêu cầu được trực tiếp nuôi con Vũ Thành Duy.

Do có phát sinh tình tiết mới là bà L tự nguyện nhận giá trị phần kiến trúc nhà số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau, không yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất nên xử lý theo đề xuất tự nguyện này của bà L, sửa án sơ thẩm về phần chia tài sản.

Đề nghị: Áp dụng Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bà L $\frac{1}{2}$ giá trị kiến trúc nhà số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C bằng 304.069.625 đồng, giao cho ông Đ sở hữu giá trị còn lại của căn nhà này. Các phần khác giữ nguyên như án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Kháng cáo của ông Vũ Duy Đ thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ.

[2] Phần nuôi con chung ông Đ rút kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Phần hôn nhân, nợ chung, một phần quyền sử dụng đất chung ở Nam Định các đương sự không kháng cáo giữ nguyên như án sơ thẩm.

[3] Xét phản kháng cáo còn lại của ông Đ:

[3.1] Về tài sản: Ông Đ cho rằng nhà, đất tọa lạc tại số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng do nguồn tiền ông tự lao động, tích lũy trong thời gian sống ở Cà Mau mà có.

Ông Đ, bà L được gia đình tổ chức cưới hỏi năm 1983, hôn nhân tồn tại đến tháng 01 năm 2022. Thực tế năm 2020 ông bà mâu thuẫn, sống riêng. Theo qui định của pháp luật về hôn nhân thì thời điểm, điều kiện kết hôn, điều kiện sống chung, con chung của ông bà như vậy nên việc ông bà có đăng ký kết hôn hay không pháp luật về hôn nhân – gia đình vẫn công nhận quan hệ trên của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Theo hồ sơ thể hiện, đến năm 1990 ông Đ, bà L đã sinh được hai người con chung. Năm 1990 ông Đ vào Cà Mau sinh sống, bà L ở nhà nuôi con chung nên việc ông Đ có tự lao động tích lũy mua nhà số 72, Lý Thường K, phường 6, Thành phố C vẫn được xem là tài sản chung của vợ chồng. Do đó bà L yêu cầu chia giá trị nhà, đất số 72 theo tỷ lệ 50/50 ông Đ nhận một nửa bà L nhận một nửa là đảm bảo công bằng, đúng pháp luật.

Giá trị nhà đất số 72, Lý Thường K, phường 6, Thành phố C được định giá bằng 1.497.138.000 đồng, tại diễn biến phiên tòa sơ thẩm bà L yêu cầu nhận 500.000.000 đồng, cấp sơ thẩm ghi nhận chia cho bà L nhận số tiền trên là đã có lợi cho ông Đ.

Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ về yêu cầu không phân chia giá trị nhà, đất số 72, Lý Thường K, phường 6, Thành phố C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị kiến trúc căn nhà, không yêu cầu chia giá trị đất. Theo chứng thư thẩm định giá thì giá trị kiến trúc nhà số 72, Lý Thường K, phường 6, Thành phố C tại thời điểm thẩm định bằng 608.139.250 đồng, nên yêu cầu của bà L chỉ nhận 304.069.625 đồng là thấp hơn giá trị tài sản bà L được nhận tại cấp sơ thẩm – việc tự nguyện này của bà L là tình tiết mới phát sinh càng có lợi hơn cho ông Đ trong phân chia tài sản chung được cấp phúc thẩm công nhận. Việc công nhận này là tôn trọng quyền định đoạt của bà L, không đồng nghĩa với việc chấp nhận kháng cáo của ông Đ chia lại tài sản của vợ chồng mà cấp sơ thẩm đã xử lý.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Ông Đ không đồng ý thanh toán lại $\frac{1}{2}$ các khoản chi phí trên cho bà L. Do đây là qui định chung bắt buộc nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Đ, buộc ông Đ hoàn lại cho bà L các khoản của chi phí tố tụng bằng 9.801.230 đồng.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không nhận xét lập lại.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ như nhận định nêu trên, nên không chấp nhận.

[6] Án phí phúc thẩm: Ông Đ là người cao tuổi được miễn nộp theo quy định chung.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần nuôi con chung do ông Vũ Duy Đ rút kháng cáo.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Duy Đ. **Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 12/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau về chia tài sản.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Duy Đ về việc xin ly hôn với Bà Lê Thị L.
2. Giao anh Vũ Thành Duy sinh ngày 15/5/1984 cho bà L nuôi dạy, Bà Lê Thị L không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Vũ Duy Đ không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Buộc ông Đ trả lại giấy xác nhận khuyết tật của anh Vũ Thành Duy cho Bà Lê Thị L.

3. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của Bà Lê Thị L.

- Giao nhà và đất tọa lạc tại số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho ông Vũ Duy Đ sở hữu và quản lý, sử dụng.

- Buộc ông Vũ Duy Đ phải hoàn trả cho Bà Lê Thị L giá trị nhà số 72, đường Lý Thường K, khóm 7, phường 6, thành phố C bằng 304.069.625 đồng (*Ba trăm lẻ bốn triệu, không trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

- Buộc ông Vũ Duy Đ thanh toán lại chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá cho Bà Lê Thị L bằng 9.801.230 đồng (*Chín triệu, tám trăm lẻ một nghìn, hai trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đ không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng ông Đ phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Tách phần tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích do hai bên đương sự khai bằng 1.000m² ở xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định ra không xử

lý tại vụ kiện này. Sau này nếu không thoả thuận được ông Đ, bà L có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo qui định chung.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và chia tài sản chung và án phí phúc thẩm ông Vũ Duy Đ được miễn nộp do người cao tuổi.

Bà L phải chịu án phí chia tài sản chung bằng 15.203.000 đồng. Bà Lê Thị L đã dự nộp án phí 12.000.000 đồng theo biên lai số 0000336 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, bà L còn phải nộp tiếp 3.203.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Yên

